

Bản án số: 125/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2025

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thanh Huyền và Bà Nguyễn Thị Thơ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh ngày 10/8/1997; căn cước công dân số 042197008821; địa chỉ: thôn K, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Trọng P, sinh ngày 23/8/1992; căn cước công dân số 042092017370; địa chỉ: thôn K, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt (lần thứ hai).

- *Người tham gia tố tụng khác:* Bà Trần Thị Đ, sinh ngày 23/12/1962; căn cước công dân số 042162002588; địa chỉ: thôn K, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:*

Chị Trần Thị N và anh Trần Trọng P tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 10/3/2022. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung, anh P đi sang Đài Loan để làm việc nên vợ

chồng đã ly thân và không còn liên lạc cho đến nay. Chị N xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trọng P.

Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Trần Trọng P có 01 con chung là cháu Trần Khánh N1, sinh ngày 31/12/2023. Hiện tại cháu Khánh N1 đang ở cùng với chị N. Nay ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu Khánh N1 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Trần Trọng P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Trần Trọng P:* Theo kết quả xác minh tại Công văn số 1489/QLXNC- Đ1 ngày 27/10/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H thể hiện: “Anh Trần Trọng P, sinh ngày 23/8/1992, đã xuất cảnh ngày 15/10/2023 qua cửa khẩu S, chưa có thông tin nhập cảnh”. Vì vậy, sau khi thụ lý để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của anh Trần Trọng P và đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng theo pháp luật, ngoài việc tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình tại địa chỉ thường trú của anh P ở thôn K, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, kênh thông tin của ban đối ngoại (VOV5) cho anh Trần Trọng P biết, cụ thể đã đăng 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (15h00 ngày 03/11/2025, 08h00 ngày 04/11/2025, 10h00 ngày 05/11/2025) để anh P về giải quyết. Tuy nhiên, anh Trần Trọng P không có mặt theo thông báo của Tòa án và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Chị Trần Thị N có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.*

** Tại biên bản làm việc ngày 23/10 và 30/10/2025, bà Trần Thị Đ trình bày:* Bà là mẹ đẻ của anh Trần Trọng P; anh Trần Trọng P và chị Trần Thị N tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 10/3/2022. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Khánh N1, sinh ngày 31/12/2023. Hiện nay anh P đang làm việc tại Đài Loan và chưa về nước. Tuy nhiên, cụ thể anh làm công việc gì, tại địa chỉ nào thì anh không thông báo cho bà biết. Mặc dù vậy, bà và anh P vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội Facebook, zalo. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo lại cho anh P biết và anh P đã biết việc chị Trần Thị N đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Anh P có trình bày quan điểm đồng ý với việc ly hôn với chị Trần Thị N và mong muốn Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật. Về con chung: anh P thống nhất giao con chung là cháu Trần Khánh N1, sinh ngày 31/12/2023 cho mẹ là chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 217, Điều 464, 469 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N về việc ly hôn anh Trần Trọng P.

Về con chung: Giao con chung cháu Trần Khánh N1, sinh ngày 31/12/2023 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Anh Trần Trọng P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 143, khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 10/10/2025, chị Trần Thị N có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Trọng P. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì chị N và anh P đều có nơi đăng ký thường trú tại thôn K, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Trọng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị Trần Thị N và anh Trần Trọng P.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N kết hôn với anh Trần Trọng P trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 10/3/2022 tại UBND xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2022 do Ủy ban nhân dân xã Đ (trước là UBND xã X, huyện N) cấp đã được chị N giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị N và anh Trần Trọng P là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận và có với nhau một người con chung nhưng hạnh phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do hai anh chị có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm, liên lạc gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh P lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì về phương án khắc phục tình trạng vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy, thời gian vợ chồng chung sống với nhau là không dài nhưng đã ly thân một thời gian mà cả hai bên đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, anh P hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau; nguyên đơn chị N vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị N yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Theo lời khai của chị N và các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thì chị N, anh P có một con chung là cháu Trần Khánh N1, sinh ngày 31/12/2023. Hiện nay cháu N1 đang ở cùng với chị N. Nay ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu anh Trần Trọng P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ; cháu Trần Khánh N1 lại đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, từ khi anh P đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài đến nay cháu đã ở với chị N, được chăm sóc, phát triển khỏe mạnh, bình thường; chị N có công việc là giáo viên, thu nhập ổn định nên yêu cầu được nuôi con của chị là hoàn toàn chính đáng và phù hợp quy định của pháp luật. Mặt khác, anh P hiện nay đang ở nước ngoài, bà Đ (mẹ đẻ của anh P) không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi cư trú của anh P tại nước ngoài nên cần giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và phù hợp với điều kiện của các bên. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét về cấp dưỡng.

Anh Trần Trọng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Trọng P.

2. Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Trần Khánh N1, sinh ngày 31/12/2023 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét.

Anh Trần Trọng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000292 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Trần Trọng P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thanh Huyền Nguyễn Thị Thơ Nguyễn Huy T

Nơi nhận

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã Đan Hải;
- Dương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Trọng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thanh Huyền Nguyễn Thị T1 Nguyễn Huy T

Nơi nhận

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã Đan Hải;
- Dương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Trọng